

BẢNG ĐIỂM KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
1	12A1	PHẠM NGUYỄN MINH AN	Nữ	12/02/2005	7.80	7.25	7	6.75	6.75				9.60	N1
2	12A1	NGUYỄN HÀ LAN ANH	Nữ	02/04/2005	7.80	6	7.75	8	7.75				9.40	N1
3	12A1	NGUYỄN NGỌC NGÂN ANH	Nữ	06/06/2005	7.80	7.25	7	8.75	7.50				8.60	N1
4	12A1	NGUYỄN QUÝ ANH	Nam	23/01/2005	9.20	4.50	9	9.25	7.25				8.60	N1
5	12A1	PHAN VIỆT ANH	Nam	20/02/2005	6	6.75	4.75	5.75	8.50				8	N1
6	12A1	NGUYỄN PHẠM THIÊN ÂN	Nam	25/07/2005	7.80	4.50	7	5.25	7.25				8.20	N1
7	12A1	NGUYỄN MINH CÁC	Nam	01/11/2005	8	6.25	7.75	7	7.50				8.60	N1
8	12A1	NGUYỄN QUỐC CUỒNG	Nam	23/05/2005	7.60	5.50	8.50	7.75	7.75				5.60	N1
9	12A1	PHAN NGỌC DUNG	Nữ	08/10/2005	8.40	3.75	8	7.25	6.75				9	N1
10	12A1	VŨ ĐÌNH HẢI ĐĂNG	Nam	10/10/2005	8	7.50	8.50	8.25	7.25				7.20	N1
11	12A1	PHAN MINH ĐỨC	Nam	06/01/2005	8.20	7.25	5.50	8.25	8.75				6.80	N1
12	12A1	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	Nam	18/02/2005	7.60	7.50	7	7.25	8				8.40	N1
13	12A1	NGÔ QUANG HẢI	Nam	27/07/2005	8.60	6	9.25	7.25	6.25				7.80	N1
14	12A1	HOÀNG GIA HÂN	Nữ	25/05/2005	8.20	7	4.75	8.50	9				8.20	N1
15	12A1	NGUYỄN MAI HÂN	Nữ	29/07/2005	7	5.75	7	5.75	6				4.80	N1
16	12A1	TRẦN THỊ THU HIỀN	Nữ	27/07/2005	7.60	5.25	8.50	8.25	7				4.80	N1
17	12A1	ĐỖ BÙI GIA HUY	Nam	04/01/2005	7.20	5.50	5.25	7.75	7.75				7.40	N1
18	12A1	NGUYỄN ĐỨC HUY	Nam	04/03/2005	7.80	7	8.50	8.50	6.75				8.40	N1
19	12A1	BÙI THỊ PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	31/10/2005	8	4.75	8.50	9	8				8.60	N1
20	12A1	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	16/12/2005	7.80	6	8	7.50	7				8	N1
21	12A1	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	24/04/2005	8.40	7.75	8.25	8.75	7.25				8.60	N1
22	12A1	LÊ MINH KIẾT	Nam	02/03/2005	7.60	6.25	4.25	8.25	8				4.20	N1
23	12A1	NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN	Nữ	04/04/2005	7	7.50	5.50	6	5.75				6.80	N1
24	12A1	NGUYỄN QUANG LINH	Nam	11/05/2005	7.80	6	5.50	7	5.75				4.40	N1
25	12A1	NGUYỄN VŨ GIA LINH	Nữ	27/12/2005	8.40	7.75	9.25	7.50	7.50				8.60	N1
26	12A1	NGÔ NGỌC LONG	Nam	24/09/2005	8	6.75	4.75	9	9.25				7	N1
27	12A1	NGUYỄN ĐÌNH TẤN LỘC	Nam	05/06/2005	8.20	7	8.25	8.50	7				7.20	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
28	12A1	NGUYỄN TÂN LỘC	Nam	21/01/2005	8.20	6.50	8	8	7.50				7.20	N1
29	12A1	MAI NGUYỄN MINH NHẬT	Nam	24/02/2005	8.20	6	8.25	7.75	7.75				8	N1
30	12A1	TRẦN MINH NHẬT	Nam	18/10/2005	7.40	6.75	7	7.25	7				5.60	N1
31	12A1	VŨ QUỲNH NHƯ	Nữ	24/08/2005	7	7	7.25	7	6.75				7.60	N1
32	12A1	PHAN BÁ PHÁP	Nam	19/03/2005	8	3.50	6.75	4.75	3.25				6.80	N1
33	12A1	NGUYỄN NHẬT PHÁT	Nam	20/10/2005	8.20	5.25	7.75	7.50	8				8.20	N1
34	12A1	PHẠM NHẬT PHONG	Nam	17/03/2005	8.20	6	7	8.50	7.75				5	N1
35	12A1	TRƯƠNG THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	22/11/2005	7.40	6.25	5.75	7.25	9.25				6	N1
36	12A1	BÙI ĐỨC TÀI	Nam	10/09/2005	8.20	8	5.25	8.25	6.25				7	N1
37	12A1	LÊ THỊ THANH TÂM	Nữ	14/07/2005	9	7	7.50	6.50	7				8.40	N1
38	12A1	NGUYỄN NGỌC ANH THẢO	Nữ	08/03/2005	8	6.50	7.25	5	6.75				9.40	N1
39	12A1	TRẦN MINH THUẬN	Nam	17/11/2005	8	6.75	8.50	6.25	7				8.40	N1
40	12A1	MAI THỊ THANH THUÝ	Nữ	19/09/2005	9.60	5.25	7.25	8.50	7.50				8.80	N1
41	12A1	HOÀNG THỤY	Nam	07/06/2005	8.40	6	7.25	8	7.50				9	N1
42	12A1	NGUYỄN NGỌC ANH THU	Nữ	12/12/2005	7.80	6	6.50	8.50	5.75				6	N1
43	12A1	NGUYỄN NGỌC THỦY TIỀN	Nữ	14/10/2005	8.20	6	6.75	8	8.25				8.80	N1
44	12A1	LÊ CHÍ TRỌNG	Nam	17/07/2005	7.20	7.50	7.75	8.50	9.50				7.20	N1
45	12A1	PHẠM NGỌC THANH UYÊN	Nữ	19/01/2005	7.80	7.50	7	7	7.25				7.80	N1
46	12A10	PHÙNG HOÀNG VÂN ANH	Nữ	14/08/2005	7.20	7.25	3.25	8	6.25				5.80	N1
47	12A10	CHU THIÊN ÂN	Nam	28/01/2005	7	6	2.25	6.75	7				7	N1
48	12A10	VŨ NGỌC BẢO ĐẠI	Nam	19/09/2005	8.20	6	7.50	7.75	5.25				5	N1
49	12A10	VŨ HUỲNH MẠNH ĐỨC	Nam	10/08/2005	9	5.75	8.75	6.75	7				8.60	N1
50	12A10	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	Nữ	10/01/2005	7.60	8				6	6.75	9.25	7	N1
51	12A10	CHU DƯƠNG HỒNG	Nữ	09/08/2005	8	8.50				4	4.75	8	6.20	N1
52	12A10	LÊ THỊ THANH HUYỀN	Nữ	21/08/2005	6.60	7.75				7.50	6.75	9	8.60	N1
53	12A10	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	Nữ	06/10/2005	7.80	7.50				7	7	7.75	7.80	N1
54	12A10	MAI HƯƠNG LAN	Nữ	31/07/2005	7.60	8.25	6.25	8.25	6.25				7.60	N1
55	12A10	ĐỖ HOÀNG GIA NGHI	Nữ	19/03/2005	8	8.50				5.50	6.50	8	8.40	N1
56	12A10	NGUYỄN NGỌC MINH NGHĨA	Nam	02/02/2005	7.80	6.50	7.25	6.50	6.25				6.60	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
57	12A10	NGÔ ĐÌNH KIM NGỌC	Nữ	21/03/2005	7.60	7.75				7.50	7	9.75	6.40	N1
58	12A10	PHẠM NGUYỄN	Nam	09/07/2005	6	6.50				6.50	6.25	8.50	6.80	N1
59	12A10	PHẠM TRẦN YẾN NHI	Nữ	18/09/2005	7.60	7.50				7.75	6.75	9	6.80	N1
60	12A10	NGUYỄN TRỊNH XUÂN NHIÊN	Nữ	06/05/2005	7.40	7.50				7.25	6	8.75	8.60	N1
61	12A10	TRẦN BẢO KHÁNH NY	Nữ	08/11/2004	8.20	8.50	6.25	7	5.75				8	N1
62	12A10	PHẠM KHÁNH HỒNG PHƯƠNG	Nữ	23/11/2005	6.60	7.75				4.50	4.25	6.75	7.60	N1
63	12A10	PHẠM THU PHƯƠNG	Nữ	15/12/2005	8	7.75				8	7.75	9.75	8.20	N1
64	12A10	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC QUYÊN	Nữ	27/04/2005	8	8.50				6.50	6.50	8.25	7.40	N1
65	12A10	PHẠM THẢO QUYÊN	Nữ	31/03/2005	6.20	7	3	6.50	6.50				4.40	N1
66	12A10	PHAN HOÀNG THẢO QUYÊN	Nữ	06/09/2005	6.60	7.75				8.50	7.50	9.25	5.40	N1
67	12A10	PHẠM NHƯ QUỲNH	Nữ	22/07/2005	7.80	8.75				3.50	6	8.25	8.20	N1
68	12A10	LÊ THIÊN TÂM	Nam	24/01/2005	6.80	7				5.25	4.75	8.75	7.80	N1
69	12A10	NGUYỄN VŨ NHẬT THIÊN	Nam	13/07/2005	7.20	7.50	8.25	5	5.25				4.80	N1
70	12A10	BÙI HOÀNG PHƯƠNG THÙY	Nữ	20/03/2005	7.80	7.75				8.50	7.50	9	7	N1
71	12A10	LÊ MINH THÙY	Nữ	11/06/2005	6.20	8				3.50	6	8.50	6	N1
72	12A10	PHẠM ĐỨC TRÍ	Nam	25/02/2005	6.40	8				8.50	6	9	7.80	N1
73	12A10	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG TRINH	Nữ	18/04/2005	7	8.50				7.25	8	8.25	8	N1
74	12A10	PHẠM NGỌC THANH TRÚC	Nữ	03/08/2005	5.20	7.50				6.25	6.50	8.50	6.40	N1
75	12A10	MAI HOÀNG TUẤN	Nam	01/01/2005	7.40	5.50	4.50	4	6.50				7.20	N1
76	12A10	LÊ THỊ THU UYÊN	Nữ	24/04/2005	7.20	8.50				8.75	8	8.25	4.60	N1
77	12A10	BẠCH QUỐC VIỆT	Nam	16/06/2005	8.40	7.50				7.25	6.75	8.75	7.80	N1
78	12A10	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	22/07/2005	8.40	8.25	7.50	8.50	7.75				9	N1
79	12A10	NGUYỄN VƯƠNG VỸ	Nam	03/06/2005	8	4	8.25	8	5.75				6.40	N1
80	12A10	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	27/08/2005	7.40	7.50	5.75	7.50	4.75				5.60	N1
81	12A2	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	03/07/2005	8.40	8	8.25	5	6.75				8.40	N1
82	12A2	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	04/02/2005	7.20	6.75				6	6	8.25	9.20	N1
83	12A2	NGUYỄN NGỌC ĐAN ANH	Nữ	22/09/2005	6.80	8				5.75	4.25	8.25	8.20	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
84	12A2	NGUYỄN NGỌC KIỀU ANH	Nữ	28/11/2005	7	9				7	5.75	8	7	N1
85	12A2	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	20/09/2005	6.80	8.50				6.25	6.50	9	6.80	N1
86	12A2	MAI TRỊNH THIÊN ẨM	Nam	16/12/2005	8.40	6.50	8	6.50	7.75				8.80	N1
87	12A2	MAI THỊ KIM CHI	Nữ	20/08/2005	8.60	8.75				7.75	5.50	8	8.80	N1
88	12A2	NGUYỄN HỮU QUỐC CÔNG	Nam	06/05/2005	7.60	7.75				7	6	8.75	9	N1
89	12A2	BÙI ĐỨC DŨNG	Nam	10/05/2005	8	7.25				7	6.25	9.25	7.60	N1
90	12A2	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	15/06/2005	8.40	7.50	7.50	6.50	6.25				8.20	N1
91	12A2	LÊ CẨM GIANG	Nữ	24/12/2004	7.80	8.25				4	5.75	7	7	N1
92	12A2	NGUYỄN HOÀNG THANH HÀ	Nữ	06/12/2005	6.20	7.75				5.50	5.25	9	8.60	N1
93	12A2	BÙI NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	17/03/2005	7.60	8.25	7.75	5.75	7.50				9	N1
94	12A2	MAI TRỊNH THẢO HIỀN	Nữ	01/08/2005	7.40	9.25				6.75	7.25	9.25	8	N1
95	12A2	NGUYỄN THANH HIỀN	Nữ	12/11/2005	7.80	7.25				6	6.25	8.50	8.60	N1
96	12A2	VÕ THANH HIỀN	Nữ	25/10/2005	6.60	5.75				4.50	5.25	6.50	8.80	N1
97	12A2	CAO THỂ HIỀN	Nam	11/08/2005	6.80	7	4.75	6.50	6				9.60	N1
98	12A2	ĐẶNG VĂN HUY	Nam	05/01/2005	7.20	8				6	6	7.75	8	N1
99	12A2	PHẠM GIA HY	Nam	11/10/2005	6.60	5.25	4.25	7.50	7.75				4.80	N1
100	12A2	TRẦN ĐOÀN GIA KHÁNH	Nam	27/02/2005	7.20	8				7	6.50	8	8.80	N1
101	12A2	NGUYỄN TRÚC LAM	Nữ	02/07/2005	8.20	7.50	7.50	7	5.75				9	N1
102	12A2	BÙI THỊ NGỌC LAN	Nữ	21/06/2005	6.40	7.75				3.75	7.25	8.75	8	N1
103	12A2	ĐINH CAO THIÊN LỘC	Nam	12/05/2005	8.40	4.25	8.25	6.25	6.25				8.80	N1
104	12A2	NGUYỄN ĐỨC LỘC	Nam	22/11/2005	8.20	8.25	6.75	7.25	6.50				8.20	N1
105	12A2	PHẠM NGỌC BẢO NGÂN	Nữ	25/03/2005	7.40	8.25	5.50	5.75	6.50				8.80	N1
106	12A2	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	17/11/2005	7.60	9				7.50	7.25	9.25	8.60	N1
107	12A2	NGUYỄN TRẦN THẢO NGUYÊN	Nữ	09/01/2005	7.80	7.75				6.75	6	8.50	9	N1
108	12A2	CAO NGỌC YẾN NHI	Nữ	14/05/2005	6.80	7.75				5.50	5.50	8.50	9.20	N1
109	12A2	VŨ KIỀU YẾN NHI	Nữ	23/12/2005	8.40	5.75	8.75	5	5				7.60	N1
110	12A2	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	16/05/2005	7	5.75				7	7.75	10	9	N1
111	12A2	TRẦN PHẠM DIỄM QUỲNH	Nữ	12/01/2005	7.60	8.25				8.50	6.50	9	6.20	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
112	12A2	ĐINH NGUYỄN NGUYÊN THY	Nam	30/06/2005	7.80	6.25	6	5	5.75				9	N1
113	12A2	DƯƠNG NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	04/04/2005	7.60	7.50	7.75	7.50	5.75				9	N1
114	12A2	LÊ VŨ THUY TRANG	Nữ	14/09/2005	8	8.25				5.50	6.25	9.25	7.60	N1
115	12A2	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	12/07/2005	7	7.75				8	5.75	7.50	8.20	N1
116	12A2	VŨ NGUYỄN KIỀU TRANG	Nữ	27/10/2005	6.60	8				7.25	5.75	8.50	8.60	N1
117	12A2	ĐÀO THANH TRÚC	Nữ	09/08/2005	8.20	8.50				6.50	6.50	9.25	8	N1
118	12A2	VŨ ĐỨC TÙNG	Nam	07/10/2005	8.40	7.25				6.50	7.25	9.25	7.40	N1
119	12A2	TRẦN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	23/08/2005	7.20	8.75				7.75	7	8.75	9.20	N1
120	12A2	ĐỖ MẠNH VÂN	Nữ	26/09/2005	7.40	7.75	8	4.75	5.50				9	N1
121	12A2	NGUYỄN TRẦN NGỌC VI	Nữ	23/02/2005	8	8.25				7	5.75	8.75	8.60	N1
122	12A2	NGUYỄN TUƠNG VY	Nữ	03/01/2005	7.80	8.75				7.75	7.50	9.75	9.40	N1
123	12A3	PHẠM NGỌC QUỲNH ANH	Nữ	10/08/2005	7.40	8.50				6.25	6.50	8.50	6.60	N1
124	12A3	PHẠM TUẤN ANH	Nam	28/10/2005	5.80	6.25	4.50	7	7.25				6.60	N1
125	12A3	PHAN NGUYỄN HOÀNG ÂN	Nam	23/10/2005	7.40	6.50	4	6.25	7.50				5.60	N1
126	12A3	HOÀNG GIA BẢO	Nam	05/06/2005	6	5.50				3	4.50	6.25	3.20	N1
127	12A3	NGUYỄN THỂ BẢO	Nam	03/11/2005	7.40	5.75	7.75	5.75	5				8.40	N1
128	12A3	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	15/05/2005	7.20	6.25	7.50	6.25	5.75				7.60	N1
129	12A3	MAI THỊ THU HÀ	Nữ	28/05/2005	6.60	7.50	3.50	7.25	6.50				4	N4
130	12A3	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	09/09/2005	7.80	8.75				6	6.75	8.50	7.20	N1
131	12A3	KHÔNG PHÚC HẢI	Nam	14/06/2005	7.40	6	7.75	7.50	4.25				5	N1
132	12A3	TRỊNH THANH HẢI	Nam	31/07/2005	8.80	6.75	8.50	9	6				7.40	N1
133	12A3	LÊ SONG HÀO	Nam	20/04/2005	8.20	7.25	7.75	8	8.25				6	N1
134	12A3	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	23/10/2005	7.60	6.75	7.50	8.25	6.25				9	N1
135	12A3	PHÙNG ĐỨC ANH KHOA	Nam	27/09/2005	7.60	7	8	8	3.75				5	N1
136	12A3	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	Nữ	26/08/2005	8.20	6.50	8.50	8.25	3.75				4.40	N1
137	12A3	HOÀNG GIA LINH	Nữ	11/09/2005	7.40	5.75	5.25	8.25	6.25				7.40	N1
138	12A3	ĐẶNG PHI LONG	Nam	26/04/2005	8.20	4.75	8.25	5	5.50				8	N1
139	12A3	NGÔ ĐỨC MẠNH	Nam	25/05/2005	7.60	5.75	7.50	5.75	5.50				9.40	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
140	12A3	ĐỖ HOÀNG NAM	Nam	05/10/2005	7.40	5.25	8	6	6.50				8.40	N1
141	12A3	TỔNG PHƯƠNG NAM	Nam	06/02/2005	8.60	4.75	7.75	7.25	7.25				8.60	N1
142	12A3	QUAN TRỌNG NGHĨA	Nam	18/11/2005	9.40	7.25	8.50	9.25	5.50				7.60	N1
143	12A3	NGUYỄN KHOA NGUYÊN	Nữ	07/04/2005	6.40	8.25				5.25	3.75	7.75	8.80	N1
144	12A3	ĐỒNG THANH NHẬT	Nam	08/06/2005	7.80	4.25				5.25	5.50	7	7.40	N1
145	12A3	TRẦN QUANG MINH NHẬT	Nam	22/12/2005	8.80	6.50	9	8	7.50				9.40	N1
146	12A3	NGUYỄN HUỖNH YẾN NHI	Nữ	27/03/2005	6.60	8	4.75	7.50	6.50				8.20	N1
147	12A3	NGUYỄN KHÁNH NHI	Nữ	02/09/2005	7.80	7.75				5.25	6.50	7	6.40	N1
148	12A3	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	11/10/2005	7.60	8	6	8	9.75				7.20	N1
149	12A3	TRẦN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	Nữ	05/11/2005	6.40	7.50	5.25	5.75	5.25				5.80	N1
150	12A3	VŨ TRƯỜNG NÚI	Nam	27/08/2005	8.20	6.25	8	8.50	5.25				5.20	N1
151	12A3	MAI TRỌNG PHÚ	Nam	17/09/2005	8.80	6.50	8.75	9	7.75				8.40	N1
152	12A3	PHẠM HỮU PHÚC	Nam	04/11/2005	8.20	6.75	8.75	5.50	6.50				8.40	N1
153	12A3	NGUYỄN PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	19/12/2005	7.80	7.25	5.25	7.25	6.50				7.80	N1
154	12A3	ĐẶNG ĐÌNH SƠN	Nam	14/05/2005	7.80	7.50	6.75	7	5.25				6.60	N1
155	12A3	TRẦN QUANG SƠN	Nam	10/02/2005	7.20	5	4.25	7.50	5.50				7.60	N1
156	12A3	HOÀNG NHẬT THÁI	Nam	20/08/2005	8.40	4.50	8.75	7	4.25				3.80	N1
157	12A3	NGUYỄN XUÂN THẮNG	Nam	29/06/2005	7.20	5.50	4.25	6.75	5				5.20	N1
158	12A3	TRẦN ĐỨC THẮNG	Nam	01/01/2005	8.60	5.25	7	6.25	6.25				6.40	N1
159	12A3	ĐOÀN PHAN QUỲNH THI	Nữ	15/05/2005	7.60	6.25	6.50	7.25	6				8.40	N1
160	12A3	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	Nữ	20/10/2005	8	5	6	8	6.75				7.80	N1
161	12A3	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	30/03/2005	8.40	8	5	7.50	6.75				8.80	N1
162	12A3	NGUYỄN HOÀNG ANH TRÚC	Nữ	12/07/2005	7.40	7.75	5.50	6	5.50				7.20	N1
163	12A3	PHẠM HỒNG MINH TÚ	Nữ	20/10/2005	7.20	7.25	8	8	6.50				8.60	N1
164	12A3	NGUYỄN MINH TUẤN	Nam	06/02/2005	7.80	6.75	6.75	6.50	7.75				8.80	N1
165	12A4	VŨ NGUYỄN Ý AN	Nữ	24/02/2005	8.20	8.25	5.75	5.50	6.50				8.80	N1
166	12A4	LÊ THỊ LAN ANH	Nữ	05/09/2005	7.60	7.50				7.75	6.75	8.75	5.80	N1
167	12A4	PHAN THỊ NGỌC ANH	Nữ	06/03/2005	7.40	9				4.75	5.50	8.50	6.20	N1
168	12A4	LÊ MINH QUỐC BẢO	Nam	23/11/2005	6.20	8				8.50	6.25	9	7.80	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
169	12A4	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	Nữ	13/09/2005	7.40	8.50				6	6	9.25	8.80	N1
170	12A4	HÀN VĂN DŨNG	Nam	25/03/2005	7.40	6	6.50	5.25	5.75				8.40	N1
171	12A4	CAO THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	17/02/2005	7.20	9				6.50	5	8.75	9.20	N1
172	12A4	PHẠM TÂM ĐAN	Nữ	13/09/2005	7.60	7.25				7.75	6.50	8.25	6.80	N1
173	12A4	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	18/02/2005	8.20	7				7.50	6.75	8.25	8	N1
174	12A4	NGUYỄN ĐẠT ĐỨC	Nam	09/08/2005	7.60	6.75				4.50	6.25	8.25	8.20	N1
175	12A4	ĐẶNG THANH HẢI	Nam	10/09/2005	8.60	6.75	8.75	8.75	7.50				7	N1
176	12A4	VÔ NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	15/05/2005	8.60	8.75				6	6.25	8.75	6.80	N1
177	12A4	NGUYỄN MINH HIỀN	Nữ	21/04/2005	6.20	9.25				5.75	5.25	9	9	N1
178	12A4	NGUYỄN THÁI HIỆP	Nam	14/03/2005	9	6.75				6.75	6	9	9.20	N1
179	12A4	NGÔ VIỆT HOÀNG	Nam	20/12/2005	7.60	6.50	8.75	7	7				9	N1
180	12A4	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	19/10/2005	6.40	8.75				8	7.75	8.50	5	N1
181	12A4	HÀ NGUYỄN HƯƠNG	Nữ	29/01/2005	7.20	8.50				6	5.50	6.50	6.40	N1
182	12A4	NGÔ ANH KHOA	Nam	26/07/2005	8.40	7.25				6.25	7.25	9	6.20	N1
183	12A4	VŨ ĐĂNG KHOA	Nam	14/08/2005	7.80	7.75				8.25	6.75	9.75	7.80	N1
184	12A4	NGUYỄN TRẦN GIA KIỆT	Nam	19/04/2005	6.80	6.25	3.75	5	6.25				9	N1
185	12A4	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	15/12/2005	8	8.75				7	6.75	9.25	8.60	N1
186	12A4	NGUYỄN XUÂN MAI	Nữ	03/07/2005	7.80	8.25				3.75	6.50	8.50	8.80	N1
187	12A4	HOÀNG MINH NHẬT	Nam	27/11/2004	7	5.50	8.25	5.25	5.25				8.60	N1
188	12A4	DƯƠNG NGỌC QUỲNH NHI	Nữ	14/06/2005	6.80	7				5.25	6.25	8	7.40	N1
189	12A4	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	19/04/2005	7.80	8				7.50	6.25	8.50	7.60	N1
190	12A4	NGUYỄN PHƯƠNG VŨ NHIÊN	Nữ	22/08/2005	7.40	6.50				3.25	6.25	8.25	7.40	N1
191	12A4	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	30/08/2005	7.60	8				8.50	6	8.75	8.40	N1
192	12A4	TRƯƠNG THỊ KIỀU OANH	Nữ	14/06/2005	6.40	7				8.50	7	8.25	5.40	N1
193	12A4	VŨ KIỀU OANH	Nữ	03/07/2005	8	7.25				7.25	6.75	8.75	8.20	N1
194	12A4	NGUYỄN TIỀN PHÁP	Nam	01/04/2005	7.20	7				7.25	6.50	8.25	8.80	N1
195	12A4	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	02/10/2005	5.20	9				7.75	5.75	8.25	9.20	N1
196	12A4	TỔNG HOÀNG HÀ THANH	Nữ	19/01/2005	6.80	8.50				6	5.75	9	8.40	N1
197	12A4	HÀ THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/05/2005	8.20	8.50	6.25	7.50	6.25				7.60	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
198	12A4	NGUYỄN NGỌC MAI THI	Nữ	22/04/2005	8	8.25				8	6.75	8.25	8.20	N1
199	12A4	NGUYỄN THỤ	Nam	05/08/2005	7.60	7.50	5.25	5.25	6.50				8.20	N1
200	12A4	NGÔ THANH THỰ	Nữ	27/01/2005	8	7				5.50	6.25	8.50	7.80	N1
201	12A4	NGÔ VŨ ANH THỰ	Nữ	23/09/2005	7.60	7.75	7.50	6.50	7				8.80	N1
202	12A4	PHẠM NGỌC ANH THỰ	Nữ	05/06/2005	7.40	8.25				3.75	4.25	9	7.60	N1
203	12A4	TRẦN THỊ MINH THỰ	Nữ	04/12/2005	6	7.25				6.25	5.75	8	8.40	N1
204	12A4	ĐÀO NGỌC THỰ TRINH	Nữ	15/11/2005	5.20	7.25				6.50	6	7.25	5.20	N1
205	12A5	PHẠM THÀNH AN	Nam	06/09/2005	5.80	4	5	4.25	5				8	N1
206	12A5	ĐINH ĐỨC ANH	Nam	02/10/2005	8.40	6.50	7.25	7	7.75				7	N1
207	12A5	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	09/10/2005	7.40	7.50	7.75	6.25	6.75				6.80	N1
208	12A5	TRẦN HOÀNG GIA BẢO	Nam	20/10/2005	7.20	7.25	5	6.75	6.50				5.80	N1
209	12A5	NGUYỄN THÀNH DANH	Nam	02/11/2005	7.60	5	7.75	7.75	7.25				7	N1
210	12A5	TRẦN HỒNG DIỆP	Nữ	10/02/2005	7.80	8				7.25	7.75	9.25	9.40	N1
211	12A5	TRỊNH HOÀNG DŨNG	Nam	27/04/2005	8	7	7.75	6.75	7.75				8.80	N1
212	12A5	PHẠM THỊ HÂN HÂN	Nữ	14/12/2005	6.40	5.75				3.25	5	7	6.40	N1
213	12A5	DƯƠNG DUY HOÀNG	Nam	06/01/2005	7.80	7	5	8.25	8.50				5.40	N1
214	12A5	NGUYỄN MINH HUY	Nam	19/10/2005	5.80	6.25				5.50	6.50	7.75	6.40	N1
215	12A5	PHAN NGUYỄN GIA HUY	Nam	15/03/2005	7	6.50				6.75	5.25	8.75	8.20	N1
216	12A5	HOÀNG DUY HÙNG	Nam	27/06/2005	7.40	7.50				7	6.50	8.75	5.80	N1
217	12A5	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	03/11/2005	7.20	6.75				4.50	5	7	3.60	N1
218	12A5	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	27/09/2005	6.40	9				8.50	7.75	9	7.20	N1
219	12A5	NGUYỄN QUỲNH THIÊN HƯƠNG	Nữ	16/02/2005	7.40	8.25				5	5.25	9.50	7.80	N1
220	12A5	PHẠM THỊ HƯƠNG	Nữ	19/02/2005	6.40	6.25				9	5.50	9.50	6.80	N1
221	12A5	NGUYỄN VÂN KHÁNH	Nữ	25/09/2005	6.40	6	6.50	6.50	5.25				6.40	N1
222	12A5	PHẠM MINH KHÁNH	Nam	20/05/2005	8.20	5.50	8.50	5.75	7				9.40	N1
223	12A5	NGUYỄN HOÀNG NAM KHÔI	Nam	24/01/2005	4.60	7				5.25	6.25	8.25	6.80	N1
224	12A5	VƯƠNG THỊ LAN	Nữ	26/11/2005	7.80	7.50	8	7.50	5.75				8.80	N1
225	12A5	TRƯỜNG THỊ NHƯ NGUYỆT	Nữ	09/08/2005	7.80	8.25				5	7.25	8	8	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
226	12A5	PHẠM QUỲNH NHƯ	Nữ	12/05/2005	5.60	8				7.50	6.25	8.50	6	N1
227	12A5	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	27/09/2005	7.60	7	5.75	7.50	5.75				4	N1
228	12A5	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	16/02/2005	7.80	8.25				7.25	6.75	9.50	8.40	N1
229	12A5	LÊ MINH TÂM	Nữ	23/09/2005	7	8.50				5.75	6.50	9.25	7.80	N1
230	12A5	NGÔ HOÀNG THANH TÂM	Nữ	02/09/2005	5.20	7.25				3	5.25	7.25	7.80	N1
231	12A5	PHAN THỊ CẨM THẠCH	Nữ	04/07/2005	7.40	7.75				6.50	7	6.75	4.20	N1
232	12A5	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	Nữ	08/03/2005	7	7.50	3.75	4.50	6				7	N1
233	12A5	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	10/03/2005	8.80	8	8	8.50	6.25				7.40	N1
234	12A5	VŨ PHÚC HỒNG THỊNH	Nam	14/08/2005	8.20	7.75	4.25	7.75	5.50				7.40	N1
235	12A5	NGUYỄN HOÀNG KIM THOA	Nữ	28/01/2005	6.60	6	6.25	3.75	5.25				6.40	N1
236	12A5	MAI PHƯƠNG THÙY	Nữ	10/06/2005	4.60	8				7.25	6.75	10	4.60	N1
237	12A5	ĐINH HOÀNG ANH THU	Nữ	22/11/2005	7.40	5.75	8	7	5.50				7.60	N1
238	12A5	PHẠM THÙY TRANG	Nữ	14/01/2005	7	8				6.25	6.50	9	8.40	N1
239	12A5	ĐINH HUYỀN TRÂM	Nữ	04/06/2005	7.20	7.75	7	5.75	6				8.20	N1
240	12A5	ĐỒNG QUANG VINH	Nam	24/01/2005	5.60	6.50				6.50	7.75	7.50	7.20	N1
241	12A5	VÔ TRIỆU VY	Nữ	18/08/2005	7.80	7.50				5.25	6.75	8.25	6.40	N1
242	12A5	BÙI THỊ THANH XUÂN	Nữ	07/05/2005	7.60	7.50				6	6	7.75	7.20	N1
243	12A6	ĐỖ DUY ANH	Nam	27/06/2005	6.80	7.25	5.25	7.25	8				8.60	N1
244	12A6	ĐÀO THUY HỒNG AN	Nữ	04/08/2005	6.80	7	6.25	8	5.75				8.80	N1
245	12A6	BÙI NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	09/06/2005	5.60	8.50				9	7	9	6.80	N1
246	12A6	PHẠM VĂN CHƯƠNG	Nam	15/01/2005	7.60	5.50	7.50	5	5.25				5.40	N1
247	12A6	LÊ NGỌC DUY	Nam	21/06/2005	8.20	5	6.25	6.75	6				5	N1
248	12A6	PHẠM MINH DUY	Nam	20/07/2005	8	7.25	7	5	6.25				6.40	N1
249	12A6	NGÔ THÙY DƯƠNG	Nữ	06/02/2005	6.80	8				5.25	6	8.25	5.80	N1
250	12A6	NGUYỄN CÔNG ĐẠT	Nam	28/08/2005	6.20	7.25				8	8.25	9.25	9	N1
251	12A6	PHẠM TRẦN ĐẠT	Nam	09/04/2005	6.40	8				6	6.25	7.75	5.60	N1
252	12A6	TRỊNH HẢI ĐĂNG	Nam	05/04/2005	8.60	7.25				4	4.50	8.25	7.80	N1
253	12A6	NGUYỄN TUẤN HÀO	Nam	22/10/2005	8	7	9	4	5				7	N1
254	12A6	LÊ NGUYỄN GIA HUY	Nam	19/11/2005	8.20	8	6.50	7.50	7.50				8.60	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
255	12A6	TRẦN NGUYỄN GIA HUY	Nam	30/05/2005	8.20	7.75	8	8.75	6.75				9.20	N1
256	12A6	TRỊNH NGỌC TUẤN HÙNG	Nam	05/04/2005	7.60	8.25				6.25	5.75	9.50	8	N1
257	12A6	BÙI HỒ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	03/05/2005	8.20	9	5.50	8.75	6.50				9.20	N1
258	12A6	NGUYỄN TRÚC LINH	Nữ	02/07/2005	7.40	6.75				6.25	5.50	7.50	8.80	N1
259	12A6	TRẦN VĂN QUANG BÁCH LONG	Nam	19/02/2005	7.80	7.50				8.25	5	9.75	7.80	N1
260	12A6	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	04/11/2005	7.60	7	8	6.75	5.75				4.40	N1
261	12A6	HOÀNG GIA MINH	Nam	21/10/2005	7.20	6.25	8.50	5.50	6.75				8.80	N1
262	12A6	PHẠM LÊ DIỄM MY	Nữ	25/01/2005	7	8	8.50	8.25	7				8.80	N1
263	12A6	VŨ TRÀ MY	Nữ	15/09/2005	8.20	8	6.50	7	7.25				9.20	N1
264	12A6	PHẠM ĐÀO KIM NGÂN	Nữ	28/07/2005	8.60	8	8	8.75	6.75				9	N1
265	12A6	NGUYỄN DƯỠC THẢO NGUYỄN	Nữ	03/04/2005	8.40	8.25	6	8	5.75				8.20	N1
266	12A6	LÊ HOÀNG ÁNH NGUYỆT	Nữ	24/12/2005	8.40	7.25	7.50	8	6.50				9	N1
267	12A6	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NHI	Nữ	11/10/2005	4.60	8.25				7.75	6.75	8.75	5.40	N1
268	12A6	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	27/05/2005	8.60	7.50				4.50	7.50	9.75	9.20	N1
269	12A6	TRỊNH NGỌC NHI	Nữ	21/06/2005	7.40	7.25				7.25	6	9	8	N1
270	12A6	ĐÌNH HOÀNG GIA NHƯ	Nữ	14/01/2005	7.60	7.50	5.75	8.50	7				8.60	N1
271	12A6	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	17/01/2005	7	6.50	5	5.75	6				6.20	N1
272	12A6	ĐÌNH DUY TẤN	Nam	07/04/2005	7.40	5.75	5.50	5	5				5.80	N1
273	12A6	TRẦN ĐÀO THANH THẢO	Nữ	27/11/2005	8.20	5.50	8	6.50	6				8.80	N1
274	12A6	LÊ BÍCH THUYẾT TIÊN	Nữ	12/10/2005	6.80	7.75				3.75	5.75	8	7.20	N1
275	12A6	NGÔ NGỌC TÚ	Nữ	11/02/2005	8.40	7.50	8.25	9	8.50				9.40	N1
276	12A6	NGUYỄN THỊ KIM TƯỜNG	Nữ	04/05/2005	6.40	8				8	7.25	9.25	5.80	N1
277	12A6	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	05/06/2005	8	7.75	6.25	8	4.75				6.60	N1
278	12A6	NGÔ THANH VÂN	Nữ	11/03/2005	6	6.75	6.50	4.50	6				8	N1
279	12A6	PHẠM TƯỜNG VY	Nữ	06/06/2005	7.20	7.25				4.50	4.50	8.25	7.20	N1
280	12A6	TRƯƠNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	04/03/2005	7.80	7.25				6	5.75	8.75	6.60	N1
281	12A7	VŨ HỒNG ÂN	Nữ	22/03/2005	7.80	4.50	5.25	8	5.75				8.20	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
282	12A7	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	Nam	08/09/2005	6.40	5.50	5.50	2	3.75				5.80	N1
283	12A7	PHẠM HOÀNG ANH ĐỨC	Nam	01/01/2005	7.60	6.50	7.25	4.50	6				9.20	N1
284	12A7	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	29/11/2005	6.20	6.75				5	7.50	8.50	7.80	N1
285	12A7	TRẦN THỊ THU HÀ	Nữ	05/11/2005	5.80	6.75				4.50	5.75	7.75	8.20	N1
286	12A7	DƯƠNG THỊ THU HÂN	Nữ	27/12/2005	5	6.50				6.25	5.50	7.50	4.80	N1
287	12A7	PHẠM NGỌC MINH HOA	Nữ	03/02/2005	6.80	4.50				5.50	7	8.50	9.20	N1
288	12A7	ĐÀO GIA HUY	Nam	26/06/2005	7	4	7	4.25	4.75				8.40	N1
289	12A7	NGUYỄN HƯNG TRUNG KIÊN	Nam	04/04/2005	8.20	6	7	7.75	5.75				8.80	N1
290	12A7	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	24/07/2005	7.60	6.50	7	4.50	5.50				8.60	N1
291	12A7	LÊ BUI ĐIỆP LINH	Nữ	12/02/2005	7.20	8				3.75	5	7.75	6.80	N1
292	12A7	LÝ GIA LINH	Nữ	21/03/2005	6.60	6				4	6	7.75	9	N1
293	12A7	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	29/06/2005	6.40	8.75				6.25	5.50	8	7.20	N1
294	12A7	PHẠM THÊ NHÂN	Nam	01/12/2005	7.60	8				9.25	7.75	10	9.20	N1
295	12A7	NGÔ VŨ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/09/2005	6.80	6.50				4.75	7.75	8.50	6.80	N1
296	12A7	ĐÀO NGUYỄN NGỌC PHƯỚC	Nam	08/09/2005	7.60	8				7.25	6.25	9	7	N1
297	12A7	ĐỖ THỊ THU THẢO	Nữ	30/05/2005	7.60	6.75	6.75	5.25	4.75				7.40	N1
298	12A7	LÊ PHẠM HƯƠNG THẢO	Nữ	08/05/2005	6.80	7.50				3.75	4.50	7.50	7.60	N1
299	12A7	LÊ THỊ MINH THƠ	Nữ	28/02/2005	7.20	7				4.50	6	9	4.20	N1
300	12A7	NGUYỄN TRẦN NGỌC THUẬN	Nam	25/01/2005	7.40	7.25				4.75	4	9	7.40	N1
301	12A7	LÊ NGUYỄN THỤY	Nữ	04/08/2005	6.60	6				5	6.50	7.75	5.80	N1
302	12A7	LẠI BUI MINH THU	Nữ	27/07/2005	5.80	7.25	3.75	5.25	5.75				6.20	N1
303	12A7	TẠ MINH THU	Nữ	18/03/2005	8.20	6.75	5.50	8.25	5.75				8.80	N1
304	12A7	CHU MAI THƯƠNG	Nữ	01/06/2005	7.20	7.25	7	5.50	6.25				6.60	N1
305	12A7	LÊ HOÀNG THỦY TIÊN	Nữ	06/06/2005	7.80	7.75				7.75	7.50	9.25	9.60	N1
306	12A7	TRẦN NGỌC TIẾN	Nam	14/01/2005	6.60	6.50				4.25	5.25	7	7.40	N1
307	12A7	NGUYỄN THANH TÍN	Nam	31/10/2005	7.20	7.50				6.25	5.75	8.25	8.60	N1
308	12A7	NGUYỄN ĐỖ MINH TRÍ	Nam	22/01/2005	8.60	6.75	7.75	6.75	7.50				8.60	N1
309	12A7	NGUYỄN BUI THANH TRÚC	Nữ	04/11/2005	6.40	7.75	4.50	4.75	5.25				7.60	N1
310	12A7	NGUYỄN MAI THANH TRÚC	Nữ	11/08/2005	7.60	7.75				5.50	5.50	8.75	6.60	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
311	12A7	PHẠM NGUYỄN ANH TÚ	Nam	28/04/2005	7.60	6.50	8	5.75	4.50				7.20	N1
312	12A7	NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	06/05/2005	6.60	6.50				4.75	7	8.75	5.80	N1
313	12A7	PHẠM THỊ MỘNG TUYỀN	Nữ	20/11/2005	7.40	8				7.25	5.50	8.50	6	N1
314	12A8	LÊ ĐỒNG HẢI ANH	Nam	07/06/2005	7.40	6.25	6.75	5.50	4.75				8.20	N1
315	12A8	NGUYỄN TÚ ANH	Nữ	28/04/2005	8	8				7	6.50	9.25	8.20	N1
316	12A8	NGUYỄN TRẦN ÁNH DƯƠNG	Nữ	07/10/2005	6.40	9				5.50	5.50	8	7	N1
317	12A8	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	Nữ	03/05/2005	7.80	7.25	5.75	7	6				6.60	N1
318	12A8	HOÀNG MINH GIANG	Nữ	10/08/2005	7.60	8.25				5.25	5.75	7.75	6	N1
319	12A8	BÙI THU HÀ	Nữ	01/01/2005	7.60	8.75	7.75	7.50	6.25				7.60	N1
320	12A8	TRỊNH THỊ MỸ HẰNG	Nữ	31/05/2005	8	7.25				6.75	5.50	8.25	7.20	N1
321	12A8	ĐỖ NGỌC GIA HÂN	Nữ	13/12/2004	6.80	8				6	6.75	8.50	8.80	N1
322	12A8	HOÀNG NGỌC GIA HÂN	Nữ	10/09/2005	6.60	7.50				5.50	6.75	9	7.60	N1
323	12A8	NGUYỄN THÁI HÒA	Nam	05/07/2005	7.60	7.75				5.50	6	8.50	9.60	N1
324	12A8	NGUYỄN THANH HƯƠNG	Nữ	22/04/2005	7	8.25				4	6	8.50	7.80	N1
325	12A8	DƯƠNG NGỌC LINH	Nữ	16/10/2005	7	8	7.25	5.25	4				5	N1
326	12A8	NGUYỄN VĂN LUÂN	Nam	18/06/2005	7.80	7.25	7	6.50	6				5.20	N1
327	12A8	NGUYỄN PHẠM TRÚC LY	Nữ	01/09/2005	7.40	7.50				6.50	5.25	9	7.80	N1
328	12A8	LÊ NGUYỄN THẢO MY	Nữ	01/06/2005	7.80	8.50	7.75	5	3.50				8.40	N1
329	12A8	VŨ NGỌC KIM NGÂN	Nữ	28/10/2005	6.60	8				7	7	8.25	5.80	N1
330	12A8	BÙI VÕ YẾN NHI	Nữ	28/09/2005	8.20	7.75				6	6.50	9.50	7.60	N1
331	12A8	VŨ YẾN NHI	Nữ	19/06/2005	8.40	8.75				4.25	5.25	9	8.20	N1
332	12A8	NGUYỄN NGỌC HƯNG NHƯ	Nam	22/01/2005	7	6	5.50	7.25	6.25				7	N1
333	12A8	ĐINH THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	03/12/2005	5.80	6.50	4.50	3	3.25				4.80	N1
334	12A8	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Nữ	06/09/2005	7.20	7.75				6.50	6	8.50	7.20	N1
335	12A8	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	30/09/2005	9.20	8.25	6	8.25	6				9	N1
336	12A8	PHẠM THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	28/03/2005	6.80	7	3.50	4.50	5.75				3.60	N1
337	12A8	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	Nữ	25/07/2005	7.40	8.50				8	9	9.75	7.60	N1
338	12A8	NGUYỄN THU QUỲNH	Nữ	12/11/2005	8.20	7.25	8.25	7.50	7				5.40	N1
339	12A8	PHẠM XUÂN TÀI	Nam	12/09/2005	7.60	6.50				5	7	8	8.60	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
340	12A8	TRẦN ĐẶNG HỮU TÀI	Nam	11/05/2005	7.80	6	5.25	6.75	6				8.60	N1
341	12A8	LƯƠNG THANH THẢO	Nữ	02/03/2005	7.20	8				8.50	8.25	9.50	8	N1
342	12A8	NGUYỄN HOÀNG NAM THỊ LÂN	Nam	08/08/2005	7.60	5.75	5.75	7.25	5				8.40	N1
343	12A8	VŨ HẢI NGỌC TRAI	Nam	11/07/2005	8.60	5.75	8.50	8	6				8.40	N1
344	12A8	HÀ TUYẾT TRINH	Nữ	17/11/2005	8	7.25				5.25	6	7.75	7	N1
345	12A8	TRẦN PHẠM PHƯƠNG TRINH	Nữ	18/05/2005	8	8.25				7.50	6.75	10	8.60	N1
346	12A8	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	04/10/2005	6.20	8.75				5.75	4.75	9.25	7.60	N1
347	12A8	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	10/10/2005	7.80	7.25	4.50	8.25	5.50				8.80	N1
348	12A8	ĐẶNG QUỐC TUẤN	Nam	16/05/2005										
349	12A8	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	Nữ	27/07/2005	7.20	8.25				8.25	8.50	8.50	6.20	N1
350	12A8	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	01/05/2005	6	7.25				4.75	6.50	7	7.60	N1
351	12A9	NGUYỄN VÕ MAI ANH	Nữ	21/11/2005	7.40	8				6.50	6.75	9	8.80	N1
352	12A9	PHẠM ĐẶNG VIỆT ANH	Nam	10/07/2005	8.20	8.25				8.25	8.25	8.75	6	N1
353	12A9	TRỊNH HOÀNG ANH	Nam	08/12/2005	7.80	6	6.50	7.50	6.25				6	N1
354	12A9	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	22/09/2005	8	7				6.25	7.50	8.75	9.20	N1
355	12A9	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	28/01/2005	6.80	6.75				5.25	7	7.75	4.40	N1
356	12A9	BÙI MINH ĐỨC	Nam	04/04/2005	6.60	6				5.50	7	7.75	7.60	N1
357	12A9	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	24/07/2005	6.20	5.75	3.75	4	4				8	N1
358	12A9	BÙI HOÀNG HẢI	Nam	22/10/2005	6.60	6.50				7.75	6	7.75	6.40	N1
359	12A9	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	26/05/2005	7.40	8.50	6.75	8.25	8				8.80	N1
360	12A9	PHẠM ANH HÀO	Nam	24/06/2005	7.40	8.50				7.25	5.75	8	6.40	N1
361	12A9	TRẦN NGỌC HÂN	Nam	04/01/2005	7.40	6.50	7.50	7.75	5.25				6	N1
362	12A9	VŨ NGUYỄN HIỀN	Nam	10/04/2005	7.60	4.50	7.50	6.50	6.75				9.20	N1
363	12A9	TRỊNH MINH HOÀI	Nam	11/07/2005	5.40	6.25				5.75	7.25	7.75	8.40	N1
364	12A9	TRẦN CÔNG HOAN	Nam	04/01/2005	8	5.75	8	7	5				7.40	N1
365	12A9	TRỊNH KHAI HOÀN	Nam	28/03/2005	7.40	6.75	7.75	7.25	6.75				5.60	N1
366	12A9	VŨ MẠNH HÙNG	Nam	29/05/2005	7.80	7.25	8.25	8.25	6.50				5.80	N1
367	12A9	NGUYỄN HOÀNG LAM	Nữ	24/02/2005	7	6.75				5.75	6.50	7.75	8.20	N1

Số thứ tự	Lớp 12	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm số các bài thi									
					Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN
368	12A9	NGUYỄN KIM LONG	Nam	08/09/2005	7.20	5.25	4.25	6.50	6				5.80	N1
369	12A9	ĐÀM ĐỨC NGHĨA	Nam	19/08/2005	8.40	5.75	9	5.25	6.50				8.80	N1
370	12A9	NGUYỄN QUANG NGHĨA	Nam	03/12/2005	6.20	6	5	8	6				5.60	N1
371	12A9	NGUYỄN NGỌC TÚ NGUYỄN	Nữ	26/08/2005	8.20	7.50				7.25	5.50	7.50	8	N1
372	12A9	LƯƠNG NGUYỄN TÙNG NHÂN	Nam	01/06/2005	8.60	7.75	8.25	8.50	3.75				4.40	N1
373	12A9	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	Nữ	12/04/2005	7.40	7.50				6.75	7	9.25	8.60	N1
374	12A9	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Nữ	12/07/2005	7.60	7.50	4.75	3.75	4.75				7.80	N1
375	12A9	VŨ HOÀNG PHÚC	Nam	12/06/2005	8	7	5.50	8	7				6.40	N1
376	12A9	PHẠM NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	27/10/2005	7.80	7.75				6	7.50	8.50	9	N1
377	12A9	NGUYỄN DUY THÁI	Nam	14/11/2005	7.80	7.75	8	8	4.50				5.40	N1
378	12A9	PHẠM THANH THẢO	Nữ	15/06/2005	6.20	8.50				10	7.25	9	9.40	N1
379	12A9	VŨ THANH THẢO	Nữ	12/06/2005	8	6.75	8	7.50	4.75				6	N1
380	12A9	NGUYỄN VŨ NGỌC TRÂM	Nữ	21/02/2005	6	7				7.25	6.50	7.50	8.80	N1
381	12A9	CHU THỊ THANH TRÚC	Nữ	12/08/2005	5.40	8.50				8.25	6.75	9	7.60	N1
382	12A9	ĐINH NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	02/05/2005	7.80	6	7.75	8.75	6.75				9	N1
383	12A9	HUỲNH NGỌC TỎ UYÊN	Nữ	30/09/2005	7.20	7.75				5.50	6	7.75	5.40	N1
384	12A9	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	Nữ	22/07/2005	7.60	7.25				7.50	7	8	6.80	N1
385	12A9	TRẦN NGUYỄN VŨ	Nam	19/03/2005	7.60	8.50				7.75	6.75	9.25	9.20	N1
386	12A9	BÙI HOÀNG BẢO VY	Nữ	08/11/2005	7.60	8.75				6.50	6.25	8.50	9.60	N1
387	12A9	TRẦN THỊ TỔ VY	Nữ	15/07/2005	7.60	8				6.25	7	9.25	8	N1
388	12A9	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	06/01/2005	7.40	6	8.50	3.25	4.50				8.40	N1
389	12A9	NGUYỄN HOÀNG KIM YẾN	Nữ	06/11/2005	8.20	6.50	3.25	8	5				7.40	N1